|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức**

**theo chức danh nghề nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh**

**trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/9/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2020/TT-BTTTT ngày 28/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn bổ nhiệm và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức âm thanh viên, phát thanh viên, kỹ thuật dựng phim, quay phim;*

*Căn cứ Quyết định số 83/2021/QĐ-UBND ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận;*

*Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 325/SVHTTDL-VP ngày 28/02/2023 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 803/TTr-SNV ngày 16/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(Đề án số 51/ĐA-ĐCMNDT ngày 08/02/2023 của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh)*; với một số nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và Bản mô tả công việc của 15 vị trí việc làm của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh, cụ thể: 04 vị trí lãnh đạo, quản lý; 03 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn và 08 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ *- theo Phụ lục 1 và Phụ lục 3 đính kèm*.

2. Phê duyệt tạm thời cơ cấu theo nhóm vị trí việc làm và theo chức danh nghề nghiệp viên chức của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh *- theo Phụ lục 2 đính kèm*; cụ thể như sau:

a) Theo nhóm vị trí việc làm:

- Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí; 12 người làm việc; chiếm 21,82% tổng số;

- Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn: 03 vị trí; 27 người làm việc; chiếm 49,09% tổng số;

- Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 08 vị trí; 16 người làm việc; chiếm 29,09% tổng số.

b) Theo chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương: 14/55 người, chiếm 25,45% tổng số;

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương: 19/55 người, chiếm 34,54% tổng số;

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương: 13/55 người, chiếm 23,64% tổng số;

- Nhân viên: 09/55 người, chiếm 16,37% tổng số.

3. Phê duyệt Khung năng lực chung đối với tất cả vị trí việc làm và Khung năng lực lãnh đạo, quản lý đối với tất cả các vị trí việc làm thuộc Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh *- theo Phụ lục 4 và Phụ lục 5 đính kèm.*

4. Phê duyệt Bảng tổng hợp khung năng lực đối với từng vị trí việc làm của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh *- theo Phụ lục 6 đính kèm.*

**Điều 2.** Áp dụng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh

Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh là cơ sở khoa học để Trưởng đoàn thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức, người lao động của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm và quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được phê duyệt, trường hợp Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh có sự điều chỉnh về số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì Trưởng đoàn có trách nhiệm rà soát, bố trí nhân sự nội bộ đảm bảo tỷ lệ % theo cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp như tại thời điểm phê duyệt.

Trong quá trình triển khai, thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc hoặc có quy định điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Trưởng đoàn Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh kịp thời báo cáo Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

**Điều 3.** Giao Sở Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, giám sát *(lồng ghép qua thanh tra, kiểm tra công vụ)*; kết hợp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện nội dung tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trưởng đoàn Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Nội vụ;  - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  - TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);  - CT và các PCT UBND tỉnh;  - VPUB: LĐ, các phòng, ban;  - Lưu: VT. ĐNĐ | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Trần Quốc Nam** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 1**

**Danh mục vị trí việc làm và số lượng người làm việc của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Hạng chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm** | | **Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm tại thời điểm phê duyệt** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tối thiểu** | **Tối đa** | **Tổng số** | **Hưởng lương từ ngân sách** | **Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp** | **Hợp đồng lao động** |
| **I** | **Nhóm vị trí lãnh đạo, quản lý** | | | **12** | **12** |  |  |
| 1 | Trưởng đoàn | Hạng III | Hạng II | 01 | 01 |  |  |
| 2 | Phó Trưởng đoàn | Hạng III | Hạng II | 02 | 02 |  |  |
| 3 | Trưởng phòng | Hạng III | Hạng II | 03 | 03 |  |  |
| 4 | Phó Trưởng phòng | Hạng III | Hạng II | 06 | 06 |  |  |
| **II** | **Nhóm vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn** | | | **27** | **27** |  |  |
| 1 | Diễn viên ca | Hạng IV | Hạng II | 10 | 10 |  |  |
| 2 | Diễn viên múa | Hạng IV | Hạng II | 12 | 12 |  |  |
| 3 | Diễn viên nhạc công | Hạng IV | Hạng II | 05 | 05 |  |  |
| **III** | **Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ** |  |  | **16** | **07** |  | **09** |
| 1 | Kế toán | Hạng III | Hạng III | 01 | 01 |  |  |
| 2 | Chuyên viên | Hạng III | Hạng III | 02 | 02 |  |  |
| 3 | Văn thư - Thủ quỹ | Hạng IV | Hạng III | 01 | 01 |  |  |
| 4 | Âm thanh viên | Hạng IV | Hạng III | 03 | 03 |  |  |
| 5 | Lái xe | Nhân viên | Nhân viên | 01 |  |  | 01 |
| 6 | Hậu đài | Nhân viên | Nhân viên | 04 |  |  | 04 |
| 7 | Bảo vệ | Nhân viên | Nhân viên | 03 |  |  | 03 |
| 8 | Nhân viên phục vụ | Nhân viên | Nhân viên | 01 |  |  | 01 |
| **Tổng cộng:** | | | | **55** | **46** |  | **09** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 2**

**Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số lượng người làm việc của đơn vị tại thời điểm phê duyệt** | **Tổng cộng** | **Chia theo nhóm vị trí việc làm** | | | | **Chia theo hạng chức danh nghề nghiệp** | | | | | |
| **Nhóm Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý** | **Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành** | **Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn** | **Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ** | **Viên chức hạng I** | **Viên chức hạng II** | **Viên chức hạng III** | **Viên chức hạng IV** | **Viên chức hạng V** | **Nhân viên** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* |
| 1 | Số lượng | 55 | 12 | 0 | 27 | 16 | 0 | 14 | 19 | 13 | 0 | 09 |
| 2 | Tỷ lệ | 100% | 21,82% | 0% | 49,09% | 29,09% | 0% | 25,45% | 34,54% | 23,64% | 0% | 16,37% |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 3**

**Bản mô tả công việc từng vị trí việc làm của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| **STT** | **Tên vị trí việc làm** | **Tên phòng, ban thực hiện vị trí việc làm** | **Nhiệm vụ chính của vị trí việc làm** | **Tỷ trọng thời gian thực hiện từng nhiệm vụ chính (%)** | **Công việc cụ thể hoặc đầu ra (sản phẩm) của nhiệm vụ chính** | **Số lượng công việc cụ thể hoặc đầu ra (sản phẩm) trung bình/năm của từng nhiệm vụ chính** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Nhóm vị trí lãnh đạo, quản lý** | | | | | |
| 1 | Trưởng đoàn | Lãnh đạo | - Là người đứng đầu cơ quan, chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động của cơ quan theo chế độ thủ trưởng. Tổ chức thực hiện các đề án, mục tiêu phát triển sự nghiệp văn hóa nghệ thuật của UBND Tỉnh, Bộ và của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | 20 | Các buổi làm việc chỉ đạo trực tiếp, ban hành văn bản điều hành ... | 158 |
| - Trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức nhân sự; thi đua khen thưởng, kỷ luật; công tác tư tưởng; các chế độ và quyền lợi của người lao động. | 20 | Quyết định, quy định, tờ trình, báo cáo,.... | 146 |
| - Chỉ đạo, điều hành lĩnh vực công tác tài chính kế toán. | 20 | Kế hoạch, dự toán, tờ trình, thanh quyết toán... | 93 |
| - Chỉ đạo nghệ thuật, định hướng nghệ thuật theo chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước. Quản lý nội dung chương trình, tiết mục buổi diễn, thẩm định, nghiệm thu chương trình nghệ thuật trước khi đưa vào sử dụng. | 40 | Kế hoạch, chương trình, tác phẩm nghệ thuật;  buổi diễn. | 262 |
| 2 | Phó Trưởng đoàn |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Phó Trưởng đoàn 1 | Lãnh đạo | Giúp Trưởng đoàn lãnh đạo, chỉ đạo một số lĩnh vực công tác Phòng Hành chính - Tổng hợp cụ thể:  - Hành chính tổng hợp.  - Văn thư lưu trữ, kho quỹ.  - Công tác tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện.  - Makerting, truyền thông quảng bá thương hiệu của Đoàn.  - Phụ trách công tác đối ngoại. | 80 | Kế hoạch, chương trình, đề án, phương án, tờ trình, công văn, báo cáo | 190 |
| - Một số lĩnh vực công tác khác được Trưởng đoàn phân công hoặc được ủy quyền. | 20 | Chương trình, kế hoạch, buổi diễn | 90 |
| 2.2 | Phó Trưởng đoàn 2 | Lãnh đạo | Giúp Trưởng đoàn lãnh đạo, chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, gồm:  - Xây dựng kịch bản chương trình, sáng tác dàn dựng tiết mục biểu diễn.  - Kế hoạch xây dựng chương trình, tiết mục nghệ thuật  - Lãnh đạo, chỉ đạo Phòng Ca nhạc và Phòng Múa thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. | 80 | Kế hoạch, chương trình, kịch bản, tác phẩm, buổi diễn | 190 |
| - Một số lĩnh vực công tác khác được Trưởng đoàn phân công hoặc được ủy quyền. | 20 | Chương trình, kế hoạch, buổi diễn | 90 |
| 3 | Trưởng phòng |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Trưởng phòng 1 | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Là người đứng đầu Phòng Hành chính - Tổng hợp, phụ trách chung, điều hành việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn và trước pháp luật toàn bộ hoạt động của Phòng. | 30 | Đề án, phương án, tờ trình, quy chế, quy định | 60 |
| - Trực tiếp điều hành thực hiện công tác Phòng Hành chính - Tổng hợp ở các lĩnh vực:  + Hành chính, tổng hợp.  + Văn thư lưu trữ, kho quỹ.  + Công tác tổ chức biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện.  + Makerting, truyền thông quảng bá thương hiệu của Đoàn. | 40 | Đề án, phương án, tờ trình, quyết định, quy chế, quy định, kế hoạch, công văn, báo cáo.. | 120 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng đoàn phân công. | 30 | Thông báo, giấy đi đường, giấy mời | 50 |
| 3.2 | Trưởng phòng 2 | Phòng Ca nhạc | - Là người đứng đầu Phòng Ca nhạc, phụ trách chung, điều hành việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn và trước pháp luật toàn bộ hoạt động của Phòng*.* | 20 | Đề án, phương án, tờ trình, quy chế, quy định | 50 |
| - Trực tiếp tham mưu tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn ca nhạc chuyên nghiệp đảm bảo đúng quy định pháp luật. | 30 | Kế hoạch, chương trình, lịch công tác ... | 90 |
| - Tổ chức tập luyện tiết mục, chương trình mới theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo chương trình với Hội đồng nghệ thuật của Đoàn.  - Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho diễn viên. | 30 | Chương trình, tiết mục, buổi tập, đề xuất, kiến nghị | 90 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng đoàn phân công | 20 | Buổi diễn, chấm công, nhật ký công tác .. | 40 |
| 3.3 | Trưởng phòng 3 | Phòng Múa | - Là người đứng đầu Phòng Múa, phụ trách chung, điều hành việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn và trước pháp luật toàn bộ hoạt động của Phòng*.* | 20 | Đề án, phương án, tờ trình, quy chế, quy định | 50 |
| - Trực tiếp tham mưu tổ chức hoạt động nghệ thuật biểu diễn múa chuyên nghiệp đảm bảo đúng quy định pháp luật. | 30 | Kế hoạch, chương trình, lịch công tác, buổi họp, đánh giá .. | 90 |
| - Tổ chức tập luyện tiết mục, chương trình mới theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo chương trình với Hội đồng nghệ thuật của Đoàn.  - Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho diễn viên. | 30 | Chương trình, tiết mục, buổi tập, đề xuất, kiến nghị... | 90 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng đoàn phân công. | 20 | Buổi diễn, chấm công, nhật ký công tác.. | 40 |
| 4 | Phó Trưởng phòng |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Phó Trưởng phòng 1 | Phòng Hành chính Tổng hợp | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi Trưởng phòng không có mặt ở cơ quan. | 40 | Đề án, phương án, tờ trình, kế hoạch, công văn, báo cáo | 90 |
| - Giúp Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp phụ trách lĩnh vực công tác:  + Công tác tổ chức nhân sự.  + Công tác Thi đua – Khen thưởng, kỷ luật. | 40 | Kế hoạch, tờ trình, báo cáo, thông báo, quyết định | 80 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 20 | Kế hoạch, báo cáo, quyết định, lịch công tác | 40 |
| 4.2 | Phó Trưởng phòng 2 | Phòng Hành chính tổng hợp | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi được Trưởng phòng ủy quyền. | 20 | Kế hoạch, công văn, báo cáo, buổi diễn | 60 |
| - Giúp Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp phụ trách lĩnh vực công tác:  + Tổ chức biểu diễn, tổ chức sự kiện.  + Xây dựng kế hoạch nghiên cứu thị trường, truyền thông, tiếp thị, quảng bá thương hiệu của Đoàn.  + Nghiên cứu mở rộng địa bàn hoạt động tổ chức biểu diễn. | 60 | Kế hoạch, báo cáo, công văn, quyết định | 120 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 20 | Kế hoạch, báo cáo, quyết định, lịch công tác | 40 |
| 4.3 | Phó Trưởng phòng 3 |  | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi Trưởng phòng không có mặt ở cơ quan. | 40 | Kế hoạch, chương trình, công văn | 80 |
| - Giúp Trưởng phòng Ca nhạc quản lý, điều hành lĩnh vực chuyên môn thanh nhạc.  + Tổ chức luyện thanh, rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc và ôn tập tiết mục, ôn tập hình tuyến sân khấu trong chương trình biểu diễn của Đoàn.  + Công tác nghiên cứu,sưu tầm,tổ chức sáng tác, dàn dựng các tác phẩm nghệ thuật ca nhạc dân gian, dân tộc; bảo tồn và nâng cao chất lượng nghệ thuật truyền thống dân tộc và trích đoạn lễ hội Chăm, lễ hội Raglai. | 40 | Kế hoạch, Chương trình, Kiến nghị, đề xuất | 120 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 20 | Chấm công, nhật ký công tác | 50 |
| 4.4 | Phó Trưởng phòng 4 | Phòng Ca nhạc | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi được Trưởng phòng ủy quyền. | 40 | Kế hoạch, Chương trình, tiết mục, buổi tập luyện | 80 |
| - Giúp Trưởng phòng Ca nhạc quản lý, điều hành lĩnh vực chuyên môn âm nhạc.  + Tổ chức điều hành nhạc công rèn luyện cơ bản, ôn tập các tác phẩm âm nhạc trong chương trình biểu diễn của Đoàn.  - Theo dõi chấm công tập luyện, biểu diễn, làm việc và nhận xét, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của diễn viên ca nhạc. | 40 | Chương trình, tác phẩm âm nhạc, tiết mục, buổi tập luyện | 120 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 20 | Chấm công, nhật ký công tác | 50 |
| 4.5 | Phó Trưởng phòng 5 | Phòng Múa | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi Trưởng phòng không có mặt ở cơ quan. | 30 | Chương trình, kế hoạch, buổi tập, tác phẩm âm nhạc, tiết mục, ôn tập hình tuyến | 50 |
| - Giúp Trưởng phòng điều hành tổ chức tập luyện cơ bản múa ballet, rèn luyện kỹ thuật, kỹ xảo cho diễn viên múa. | 20 | Chương trình, tiết mục, buổi tập luyện | 60 |
| - Hướng dẫn diễn viên ôn tập các tiết mục múa, hát múa mang chất liệu ngôn ngữ múa dân gian đương đại. | 30 | Chương trình, tiết mục, buổi tập luyện | 120 |
| - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 20 | Chấm công, nhật ký công tác | 50 |
| 4.6 | Phó Trưởng phòng 6 | Phòng Múa | Thay Trưởng phòng quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của Phòng khi được Trưởng phòng ủy quyền. | 20 | Chương trình, kiến nghị, đề xuất | 80 |
| - Điều hành tổ chức tập luyện cơ bản múa dân gian, dân tộc; hướng dẫn ôn tập các tiết mục múa mang chất liệu ngôn ngữ múa dân gian, dân tộc.  - Theo dõi chấm công tập luyện, biểu diễn, làm việc và nhận xét, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của diễn viên múa. | 40 | Chương trình, tiết mục, buổi tập luyện | 120 |
| - Nghiên cứu, sưu tầm, tổ chức sáng tác, dàn dựng các tác phẩm múa truyền thống, dân gian, dân tộc; bảo tồn và nâng cao chất lượng nghệ thuật múa dân gian, dân tộc và trích đoạn lễ hội Chăm, Raglai. | 30 | Chương trình, tiết mục, buổi tập luyện | 60 |
|  |  |  | - Một số nhiệm vụ công tác khác được Trưởng phòng phân công. | 10 | Chấm công, nhật ký công tác | 50 |
| **II** | **Nhóm vị trí chức danh nghề nghiệp chuyên môn** | | | | | |
| 1 | Diễn viên ca |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Diễn viên ca  *(đơn ca nam cao)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn đơn ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu bài hát nam cao.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn tiết mục thể loại đơn ca nam. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.2 | Diễn viên ca  *(đơn ca nam trung)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn đơn ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc sáng tác cho giọng nam trung.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn tiết mục thể loại đơn ca nam | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.3 | Diễn viên ca  *(đơn ca nữ cao)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn đơn ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc sáng tác cho giọng nữ cao  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn tiết mục thể loại đơn ca nữ | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.4 | Diễn viên ca  *(đơn ca nữ trung)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn đơn ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc sáng tác cho giọng nữ trung.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn tiết mục thể loại đơn ca nữ | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.5 | Diễn viên ca  *(lĩnh xướng nam)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng kỹ thuật biểu diễn lĩnh xướng | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc được sáng tác, dàn dựng ở hình thức giọng nam lĩnh xướng.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn thể loại tốp ca có lĩnh xướng nam. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.6 | Diễn viên ca  *(lĩnh xướng nữ)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng kỹ thuật biểu diễn lĩnh xướng. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc được sáng tác, dàn dựng ở hình thức giọng lĩnh xướng nữ.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn thể loại tốp ca có lĩnh xướng nữ. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.7 | Diễn viên ca *(nam hát song ca)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn song ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc sáng tác cho thể loại giọng nam song ca nam nữ.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn vị trí nam ca trong thể loại song ca nam nữ | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.8 | Diễn viên ca  *(nữ song ca)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng, kỹ thuật biểu diễn song ca. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc sáng tác cho thể loại song ca nam nữ.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nữ ca trong thể loại song ca nam nữ | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.9 | Diễn viên ca  *(Tốp ca 1)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng kỹ thuật biểu diễn. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc được sáng tác, dàn dựng ở hình thức có giai điệu bè nam cao.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn hát giai điệu bè nam cao trong tiết mục tam ca, tốp ca, đồng ca. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 1.10 | Diễn viên ca  *(Tốp ca 2)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện thanh nhạc, rèn luyện kỹ năng kỹ thuật biểu diễn. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật thanh nhạc. | 200 |
| - Học lời bài hát; giai điệu ca khúc được sáng tác, dàn dựng ở hình thức có giai điệu bè nữ trầm.  - Tập vũ đạo, kỹ năng biểu diễn, thể hiện nội dung ca khúc. | 20 | Ca khúc, buổi tập | 60 |
| - Biểu diễn hát giai điệu bè nữ trầm trong tiết mục tam ca, tốp ca, đồng ca. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 2 | Diễn viên nhạc công |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Nhạc công  *(đàn guitar solo, đàn Sến, đàn Nhị, trống Paranưng)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện ngón đàn; tập luyện kỹ năng biểu diễn; kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn đàn guitar solo, đàn Sến, đàn Nhị, trống Paranưng. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học tiết điệu bài hát, giai điệu của ca khúc, tác phẩm âm nhạc (nhạc hòa tấu, nhạc múa).  - Phối hợp với dàn nhạc, với ca sĩ tập luyện nhạc đệm cho bài hát; tập các bản nhạc hòa tấu, nhạc trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tiết mục, chương trình biểu diễn | 60 |
| - Biểu diễn vị trí diễn viên nhạc công guitar solo, đàn Sến, đàn Nhị, trống Paranưng. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 2.2 | Nhạc công  *(đàn guitar bass, đàn Tứ, đàn Nguyệt)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện ngón đàn; tập luyện kỹ năng biểu diễn; kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn đàn guitar bass, đàn Tứ,đàn Nguyệt. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học tiết điệu bài hát, giai điệu của ca khúc, tác phẩm âm nhạc (nhạc hòa tấu, nhạc múa).  - Phối hợp với dàn nhạc, với ca sĩ tập luyện nhạc đệm cho bài hát; tập các bản nhạc hòa tấu, nhạc trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tiết mục, chương trình biểu diễn | 60 |
| - Biểu diễn vị trí diễn viên nhạc công đàn guitar bass, đàn Tứ, đàn Nguyệt. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 2.3 | Nhạc công  *(đàn organ, đàn Kanhi, đàn Tranh, đàn Tam thập lục)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện ngón đàn Organ; tập luyện kỹ năng biểu diễn; kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn đàn Organ,đàn Kanhi, đàn Tranh, đàn Tam thập lục. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học tiết điệu bài hát, giai điệu của ca khúc, tác phẩm âm nhạc (nhạc hòa tấu, nhạc múa).  - Phối hợp với dàn nhạc, với ca sĩ tập luyện nhạc đệm cho bài hát; tập các bản nhạc hòa tấu, nhạc trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tiết mục, chương trình biểu diễn | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí diễn viên nhạc công organ, đàn Kanhi, đàn Tranh, đàn Tam thập lục trong dàn nhạc (phụ trách đệm các giai điệu bè hai và bè ba, các âm sắc nhạc cụ phụ trong tác phẩm âm nhạc). | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 2.4 | Nhạc công  *(trống bộ, Drum, trống ginăng)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện ngón trống; tập luyện kỹ năng biểu diễn; kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn bộ trống (Drum), trống ginăng. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học nhịp điệu bài hát, giai điệu của ca khúc, tác phẩm âm nhạc (nhạc hòa tấu, nhạc múa).  - Phối hợp với dàn nhạc, với ca sĩ tập luyện nhạc đệm cho bài hát; tập các bản nhạc hòa tấu, nhạc trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tiết mục, chương trình biểu diễn | 60 |
| - Biểu diễn vị trí diễn viên nhạc công trống bộ, trống ginăng trong dàn nhạc. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 2.5 | Nhạc công  *(Kèn Saranai, kèn saxophone, sáo trúc)* | Phòng Ca nhạc | - Tập luyện kỹ năng biểu diễn; kỹ thuật, kỹ xảo biểu diễn kèn saxophone, kèn Saranai, Sáo trúc. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học tiết điệu bài hát, giai điệu của ca khúc, tác phẩm âm nhạc (nhạc hòa tấu, nhạc múa).  - Phối hợp với dàn nhạc, với ca sĩ tập luyện nhạc đệm cho bài hát; tập các bản nhạc hòa tấu, nhạc trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tiết mục, chương trình biểu diễn | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí diễn viên nhạc công sử dụng kèn saxophone, kèn Saranai, sáo trúc trong dàn nhạc. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3 | Diễn viên múa |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Diễn viên múa  *(nam múa solist)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật, kỹ xảo solist. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập động tác kỹ xảo của diễn viên solit trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn solist (múa đơn) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn, tiết mục múa | 120 |
| 3.2 | Diễn viên múa  *(nữ múa solist)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật, kỹ xảo solist. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập động tác kỹ xảo diễn viên biểu diễn solist trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn solist (múa đơn) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn, tiết mục múa | 120 |
| 3.3 | Diễn viên múa  *(nam múa solo)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập động tác kỹ xảo biểu diễn solo (biến tấu) trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn solo trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn, tiết mục múa | 120 |
| 3.4 | Diễn viên múa  *(nữ múa solo)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập động tác kỹ thuật, kỹ xảo trong tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn solo (biến tấu) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.5 | Diễn viên múa  *(nam múa đôi)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong múa đôi (Duo), động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nam diễn viên trong tác phẩm múa Duo. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.6 | Diễn viên múa  *(nữ múa đôi)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong múa Duo; rèn luyện động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nữ diễn viên múa Duo (múa đôi) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.7 | Diễn viên múa  *(nam múa ba)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong múa trio (03 tầng); rèn luyện động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nam diễn viên múa trio (múa 03 bè) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.8 | Diễn viên múa  *(nữ múa ba)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong hình thức múa trio (03 tầng); rèn luyện động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nữ diễn viên múa trio (múa 03 bè) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.9 | Diễn viên múa  *(nam múa bốn)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong múa bốn bè; rèn luyện động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nam diễn viên múa quattro (múa 04 bè) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.10 | Diễn viên múa  *(nữ múa bốn)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ thuật quay, nhảy, kỹ xảo. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu âm nhạc của tác phẩm múa.  - Tập kỹ thuật bê đỡ trong múa bốn bè; rèn luyện động tác kỹ xảo của tác phẩm múa. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí nữ diễn viên múa quattro (múa 04 bè) trong tác phẩm múa. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.11 | Diễn viên múa  *(tập thể 01)* | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ năng biểu diễn.. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu của bài hát; âm nhạc của tác phẩm múa dư hứng  - Tập kỹ thuật biểu diễn đồng đều trong thể loại múa minh họa cho ca khúc, múa hát, múa dư hứng. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa, tiết mục múa minh họa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí diễn viên múa tốp (tập thể). | 40 | Buổi diễn | 120 |
| 3.12 | Diễn viên múa  (tập thể 02) | Phòng Múa | - Luyện tập cơ bản múa ballet, múa dân gian dân tộc, múa dân gian đương đại; rèn luyện kỹ năng biểu diễn. | 40 | Buổi tập, kỹ thuật, kỹ xảo | 200 |
| - Học thuộc nhịp điệu, giai điệu của bài hát; âm nhạc của tác phẩm múa dư hứng  - Tập kỹ thuật biểu diễn đồng đều trong thể loại múa minh họa cho ca khúc, múa hát, múa dư hứng. | 20 | Buổi tập,  tác phẩm múa, tiết mục múa minh họa | 60 |
| - Biểu diễn ở vị trí diễn viên múa tốp (tập thể). | 40 | Buổi diễn | 120 |
| **III** | **Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ** | | | | | |
| 1 | Kế toán | Phòng Hành chính tổng hợp | - Phụ trách công tác Kế toán - Tài chính, chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn và pháp luật nhà nước về lĩnh vực được phân công phụ trách gồm:  + Quản lý thu, chi; báo cáo tài chính, cập nhật sổ sách kế toán, quyết toán tạm ứng và quyết toán kinh phí;  + Thực hiện việc chi trả lương, chế độ bảo hiểm cho công chức, viên chức & người lao động trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.  + Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, lập phương án phân bổ dự toán ngân sách của đơn vị.  + Hướng dẫn các thủ tục liên quan đến chứng từ thanh quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định.  - Soạn thảo báo cáo chuyên đề; các loại văn bản trong lĩnh kế toán - tài chính. | 100 | Dự toán kinh phí; Phương án; đối chiếu số dư, giao dịch tiền gửi với kho bạc, phiếu thu, phiếu chi,... | 417 |
| 2 | Chuyên viên |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Chuyên viên 1 | Phòng Hành chính tổng hợp | - Phụ trách công tác tổ chức nhân sự gồm: tuyển dụng, đánh giá, hợp đồng, đề bạt, xét nâng lương, tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm và quản lý hồ sơ nhân sự.  - Phụ trách công tác thi đua - khen thưởng, kỷ luật. | 50 | Hồ sơ, đề án, phương án, quyết định, tờ trình, biên bản, báo cáo,... | 90 |
| - Phụ trách công tác hành chính tổng hợp gồm: công tác cải cách hành chính; đôn đốc thực hiện kỷ cương kỷ luật; Dự thảo, sửa đổi bổ sung nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử và các quy định khác; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nội quy, quy chế của viên chức và người lao động trong cơ quan.  - Tham mưu công tác tiếp công dân; công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.  - Soạn thảo kế hoạch, chương trình công tác năm, tháng và lịch công tác tuần.  - Tổng hợp báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và các báo cáo đột xuất. | 50 | Chương trình, kế hoạch, báo cáo, công văn, thông báo ... | 90 |
| 2.2 | Chuyên viên 2 | Phòng Hành chính tổng hợp | - Soạn thảo kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động tổ chức biểu diễn, tổ chức sự kiện.  - Tham mưu kịch bản tổ chức biểu diễn, tổ chức sự kiện; biên soạn lời dẫn chương trình các buổi biểu diễn, sự kiện. | 30 | Kế hoạch, Công văn, báo cáo, chương trình ... | 40 |
| - Phụ trách công tác Marketing, truyền thông quảng cáo thương hiệu biểu diễn nghệ thuật của Đoàn. Nghiên cứu mở rộng địa bàn hoạt động tổ chức biểu diễn.  - Sao chép, lưu trữ dữ liệu video biểu diễn và đăng tải trên nền tảng mạng xã hội để quảng bá hình ảnh và hoạt động của Đoàn.  - Viết các bản tin về hoạt động của Đoàn. | 70 | Kế hoạch, kịch bản chương trình, các buổi biểu diễn, lưu trữ video | 150 |
| 3 | Văn thư – Thủ quỹ - Thủ kho | Phòng Hành chính tổng hợp | - Xử lý văn bản trên hệ thống TDOffice; tiếp nhận, vào sổ các loại văn bản đi và văn bản đến; scan lưu vào vi tính, lập danh mục hồ sơ phân loại; lưu trữ các loại văn bản, hồ sơ quản lý hành chính, đảm bảo thuận tiện tra cứu và sử dụng.  - Phụ trách bảo quản con dấu; đóng dấu các loại văn bản, hồ sơ, giấy tờ theo quy định của pháp luật. | 40 | Hồ sơ, số liệu văn bản đi và đến | 500-1000 |
| - Quản lý thu chi tiền mặt đúng theo quy định của pháp luật. Định kỳ phối hợp với kế toán kiểm kê quỹ tiền mặt. | 30 | Chứng từ, thu, chi, báo cáo,.... | 145 |
| - Quản lý cất giữ trang thiết bị, trang phục, đạo cụ và các tài sản chung của đơn vị, sắp xếp kho gọn gàng, ngăn nắp và thường xuyên kiểm tra vệ sinh sạch sẽ. Phân loại tài sản, chụp hình lưu giữ trong vi tính. | 30 | Hồ sơ quản lý, tệp ảnh, buổi làm việc trực tiếp | 120 |
| 4 | Âm thanh viên |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Âm thanh viên 1 | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Vận hành hệ thống âm thanh phục vụ tập luyện. Đảm bảo kỹ thuật, an toàn của trang thiết bị âm thanh. | 40 | Buổi tập | 200 |
| - Thực hiện nhiệm vụ của kỹ thuật phòng thu. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| - Kiểm tra sửa chữa khắc phục trang thiết bị âm thanh. | 20 | Main nguồn, mixer, loa, micro | 150 |
| 4.2 | Âm thanh viên 2 | Phòng Hành chính tổng hợp | - Kết nối dây tín hiệu hệ thống âm thanh. Kiểm tra kỹ thuật kết nối dây điện nguồn, dây tín hiệu, đảm bảo an toàn của trang thiết bị âm thanh phục vụ tập luyện và biểu diễn. | 40 | Buổi tập | 300 |
| - Kiểm tra kỹ thuật kết nối dây điện nguồn, dây tín hiệu hệ thống trang thiết bị âm thanh; vận hành hệ thống âm thanh phục vụ biểu diễn. Đảm bảo kỹ thuật, an toàn của trang thiết bị âm thanh. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| - Kiểm tra sửa chữa khắc phục trang thiết bị âm thanh. | 20 | Main nguồn, mixer, loa, micro | 150 |
| 4.3 | Âm thanh viên 3 | Phòng Hành chính tổng hợp | - Kiểm tra hệ thống điện và đèn chiếu sáng. Đảm bảo kỹ thuật, an toàn của trang thiết bị của cơ quan. Phục vụ tập luyện của các bộ phận ca múa nhạc. | 40 | Buổi tập | 200 |
| - Kiểm tra kỹ thuật kết nối dây điện nguồn, dây tín hiệu hệ thống trang thiết bị ánh sáng. Đảm bảo kỹ thuật, an toàn của trang thiết bị.  - Vận hành hệ thống ánh sáng phục vụ biểu diễn. | 40 | Buổi diễn | 120 |
| - Kiểm tra sửa chữa khắc phục trang thiết bị điện, nước, đèn bị hư và đề nghị tu sửa trang thiết bị điện, nước, đèn bị hư hỏng nặng. | 20 | Main nguồn, mixer, đèn,... | 150 |
| 5 | Lái xe | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Đưa, đón viên chức và người lao động đi công tác lưu diễn.  - Vận chuyển trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, cảnh trí, bục sân khấu, phục vụ đạo cụ tập luyện và biểu diễn.  - Quản lý phương tiện, trang thiết bị. Kiểm tra, đề nghị sửa chửa, bảo trì xe. | 100 | Số km vận hành, buổi diễn,.... | 150 |
| 6 | Hậu đài |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Hậu đài 1  (Âm thanh chính) | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Bốc xếp, lắp đặt và tháo dỡ trang thiết bị, cảnh trí, bục bệ sân khấu; kết nối hệ thống dây điện nguồn, dây giắc tín hiệu âm thanh.  - Phục vụ micro ở khu vực cánh gà bên phải sân khấu, xử lý các tình huống kỹ thuật trên sân khấu.  - Hỗ trợ công tác an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy khu vực cánh gà bên phải của sân khấu. | 100 | Buổi diễn | 120 |
| 6.2 | Hậu đài 2  (Âm thanh phụ) | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Bốc xếp, lắp đặt và tháo dỡ trang thiết bị, cảnh trí, bục bệ sân khấu; kết nối hệ thống dây điện nguồn, dây giắc tín hiệu âm thanh.  - Phục vụ micro ở khu vực cánh gà bên trái sân khấu, xử lý các tình huống kỹ thuật trên sân khấu.  - Hỗ trợ công tác an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy khu vực cánh gà bên trái của sân khấu. | 100 | Buổi diễn | 120 |
| 6.3 | Hậu đài 3  (Ánh sáng chính) | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Bốc xếp, lắp đặt và tháo dỡ trang thiết bị, cảnh trí, bục bệ sân khấu; kết nối hệ thống dây điện nguồn, dây giắc tín hiệu ánh sáng đèn.  - Phụ trách chiếu đèn phô lô cho diễn viên ở khu vực bên trái sân khấu, xử lý các tình huống kỹ thuật ánh sáng sân khấu.  - Hỗ trợ công tác an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy khu vực bên trái phía trước sân khấu. | 100 | Buổi diễn | 120 |
| 6.4 | Hậu đài 4  (Ánh sáng phụ) | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Bốc xếp, lắp đặt và tháo dỡ trang thiết bị, cảnh trí, bục bệ sân khấu; kết nối hệ thống dây điện nguồn, dây giắc tín hiệu ánh sáng đèn.  - Phụ trách chiếu đèn phô lô cho diễn viên ở khu vực bên phải sân khấu, xử lý các tình huống kỹ thuật ánh sáng sân khấu.  - Hỗ trợ công tác an ninh trật tự và phòng cháy chữa cháy khu vực bên phải phía trước sân khấu. | 100 | Buổi diễn | 120 |
| 7 | Bảo vệ |  |  |  |  |  |
| 7.1 | Bảo vệ 1 | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Trực bảo vệ trông coi, đảm bảo công tác an ninh, cơ sở vật chất của cơ quan từ 06 giờ 00 đến 14 giờ 00. | 100 | Ngày làm việc | 240 |
| 7.2 | Bảo vệ 2 | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Trực bảo vệ trông coi, đảm bảo công tác an ninh, cơ sở vật chất của cơ quan từ 14 giờ 00 đến 22 giờ 00. | 100 | Ngày làm việc | 240 |
| 7.3 | Bảo vệ 3 | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Trực bảo vệ trông coi, đảm bảo công tác an ninh, cơ sở vật chất của cơ quan từ 22 giờ 00 đến 06 giờ 00 sáng hôm sau. | 100 | Ngày làm việc | 240 |
| 8 | Nhân viên phục vụ  (tạp vụ, phục trang) | Phòng Hành chính Tổng hợp | - Phụ trách trang phục biểu diễn; tạp vụ, vệ sinh; chăm sóc cây cảnh, lễ tân. | 100 | Buổi phục vụ | 480 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 4**

**Khung năng lực chung đối với tất cả các vị trí việc làm**

**của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. Khái quát về Khung năng lực chung:**

Khung năng lực viên chức Đoàn Ca múa nhạc dân tộc: Là những phẩm chất, đặc tính cần phải có ở người viên chức. Đây là những năng lực cần thiết cho tất cả các vị trí việc làm, được xác định dựa trên giá trị cốt lõi của mọi hoạt động trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**II. Các năng lực cụ thể trong Khung năng lực chung:**

**1. Số lượng năng lực cụ thể trong Khung năng lực chung:**

Khung năng lực chung của viên chức Đoàn Ca múa nhạc dân tộc bao gồm có 06 năng lực cụ thể là:

a) Đạo đức và trách nhiệm công vụ.

b) Tổ chức thực hiện công việc.

c) Soạn thảo văn bản.

d) Giao tiếp ứng xử.

đ) Quan hệ phối hợp.

e) Sử dụng công nghệ thông tin.

**2. Các mức độ của từng năng lực cụ thể trong Khung năng lực chung:**

Khung năng lực của viên chức Đoàn Ca múa nhạc dân tộc phân chia thành nhiều mức độ khác nhau từ thấp đến cao phù hợp với từng vị trí việc làm; đồng thời định nghĩa làm rõ yêu cầu của từng mức độ như sau:

**a) Năng lực về “Đạo đức và trách nhiệm công vụ” được chia thành 02 mức độ:**

- Mức độ 1: Có đạo đức và trách nhiệm trong công tác; là người đồng nghiệp, người dân và tổ chức có thể tin tưởng khi giao nhiệm vụ.

- Mức độ 2: Có đạo đức và trách nhiệm trong công tác; là người đồng nghiệp, người dân và tổ chức hoàn toàn tin tưởng khi giao nhiệm vụ.

**b) Năng lực về “Tổ chức thực hiện công việc” được chia thành 03 mức độ:**

- Mức độ 1: tổ chức thực hiện hoàn thành công việc được giao.

- Mức độ 2: tổ chức thực hiện hoàn thành tốt công việc được giao.

- Mức độ 3: tổ chức thực hiện hoàn thành xuất sắc công việc được giao.

**c) Năng lực về “Soạn thảo văn bản” được chia thành 03 mức độ:**

- Mức độ 1: Nắm bắt và áp dụng được các quy định về kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Dự thảo được các văn bản hành chính thông thường.

- Mức độ 2: Có kỹ năng soạn thảo cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc; có khả năng tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu soạn thảo các văn bản mang tính sự vụ.

- Mức độ 3: Có kỹ năng soạn thảo tất cả thể loại văn bản đáp ứng yêu cầu công việc; có khả năng tổng hợp, phân tích thông tin để tham mưu soạn thảo các văn bản phức tạp, mang tính định hướng, chiến lược dài hạn của cơ quan.

**d) Năng lực về “Giao tiếp ứng xử” được chia thành 04 mức độ:**

- Mức độ 1: Có khả năng giao tiếp cơ bản, nghe và trình bày thông tin rõ ràng, mạch lạc.

- Mức độ 2: Có khả năng truyền đạt và biết lắng nghe.

- Mức độ 3: Có khả năng quan sát, nhận biết nhanh những trạng thái cảm xúc của người đối diện và khả năng diễn đạt.

- Mức độ 4: Có khả năng đặt câu hỏi và mời, hẹn.

**đ) Năng lực về “Quan hệ phối hợp” được chia thành 04 mức độ:**

- Mức độ 1: Tạo mối quan hệ tốt, chủ động phối hợp với đồng nghiệp trong công việc.

- Mức độ 2: Thiết lập được mối quan hệ tốt trong nội bộ đơn vị cơ quan, tạo dựng được uy tín cá nhân.

- Mức độ 3: Duy trì, mở rộng mối quan hệ với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài đơn vị để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung.

- Mức độ 4: Có khả năng quan hệ trong nước, quốc tế và khu vực.

**e)** **Năng lực về “Sử dụng công nghệ thông tin” được chia thành 02 mức độ:**

**-** Mức độ 1: Hiểu biết và sử dụng máy vi tính và một số phần mềm cơ bản.

- Mức độ 2: Hiểu biết cơ bản về máy vi tính và sử dụng một số phần mềm nâng cao.

**3. Bảng tổng hợp Khung năng lực chung của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên năng lực cụ thể trong**  **Khung năng lực chung** | **Các mức độ của năng lực** |
| 1 | Đạo đức và trách nhiệm công vụ | 02 mức độ |
| 2 | Tổ chức thực hiện công việc | 03 mức độ |
| 3 | Soạn thảo và ban hành văn bản | 03 mức độ |
| 4 | Giao tiếp ứng xử | 04 mức độ |
| 5 | Quan hệ phối hợp | 04 mức độ |
| 6 | Sử dụng công nghệ thông tin | 02 mức độ |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 5**

**Khung năng lực lãnh đạo, quản lý đối với tất cả các vị trí việc làm**

**của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023*

*của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**I. Khái quát chung về Khung năng lực lãnh đạo, quản lý:**

Khung năng lực lãnh đạo, quản lý của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận: Là những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho từng vị trí việc làm cụ thể trong cơ quan và được xác định dựa vào nhiệm vụ, hoạt động cụ thể của vị trí việc làm.

**II. Các năng lực cụ thể trong Khung năng lực lãnh đạo, quản lý:**

**1. Số lượng năng lực cụ thể trong Khung năng lực lãnh đạo, quản lý của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc:**

Khung năng lực lãnh đạo, quản lý của Đoàn Ca múa nhạc dân tộcbao gồm có 04 năng lực cụ thể là:

a) Xác định tầm nhìn và tư duy chiến lược.

b) Ra quyết định.

c) Quản lý nguồn lực.

d) Xây dựng mối quan hệ.

**2. Các mức độ của từng năng lực cụ thể trong Khung năng lực lãnh đạo, quản lý:**

Khung năng lực lãnh đạo, quản lý của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc phân chia thành nhiều mức độ khác nhau từ thấp đến cao phù hợp với từng vị trí việc làm; đồng thời định nghĩa làm rõ yêu cầu của từng mức độ như sau:

**a) Năng lực về “Tầm nhìn và Tư duy chiến lược” được chia thành 04 mức độ:**

- Mức độ 1: Có tư duy vận dụng những quy định, quy trình hiện hành để thực hiện các công việc mang tính sự vụ; cần sự hướng dẫn, hỗ trợ của lãnh đạo để từng bước nâng cao năng lực này.

- Mức độ 2: Có tầm nhìn đủ để xây dựng Kế hoạch, định hướng phát triển cho một mảng công tác thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị; có thể triển khai thực hiện nghiệp vụ chuyên môn theo đúng định hướng Kế hoạch đã đề ra.

- Mức độ 3: Có tầm nhìn và tư duy định hướng chiến lược cho sự phát triển của của một lĩnh vực chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; có hiểu biết chuyên sâu về một lĩnh vực chuyên môn được phân công; là người có thể hướng dẫn, nâng cao tư duy, tầm nhìn trong một lĩnh vực chuyên môncho cán bộ viên chức thuộc đơn vị.

- Mức độ 4: Có tầm nhìn và tư duy định hướng chiến lược nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị gắn với việc triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch chung của ngành, lĩnh vực, địa phương có liên quan; xây dựng chiến lược dài hạn tạo ra sự chuyển biến cải tiến chất lượng hoạt động của đơn vị.

**b) Năng lực về “ Ra quyết định” được chia thành 02 mức độ:**

- Mức độ 1: Ra quyết định dựa theo nguyên tắc, quy trình có sẵn

- Mức độ 2: Ra quyết định chuẩn xác và quyết đoán.

**c) Năng lực về “Quản lý nguồn lực” được chia thành 03 mức độ:**

- Mức độ 1: Quản lý, phát huy được nguồn lực của phòng tương đối hiệu quả.

- Mức độ 2: Có khả năng quản lý, phát huy nguồn lực thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Mức độ 3: Huy động được nguồn lực trong và ngoài đơn vị.

**d) Năng lực về “Xây dựng mối quan hệ” được chia thành 02 mức độ:**

- Mức độ 1: Có khả năng xây dựng mối quan hệ tương đối tốt, thân thiện với đồng nghiệp trong giải quyết công việc.

- Mức độ 2: Có khả năng xây dựng mối quan hệ tốt, đoàn kết và giúp đỡ đồng nghiệp tiến bộ trong công việc.

**3. Bảng tổng hợp Khung năng lực lãnh đạo, quản lý của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên năng lực cụ thể trong**  **Khung năng lực lãnh đạo, quản lý** | **Các mức độ của**  **năng lực** |
| 1 | Tầm nhìn và tư duy chiến lược | 04 mức độ |
| 2 | Ra quyết định | 02 mức độ |
| 3 | Quản lý nguồn lực | 03 mức độ |
| 4 | Xây dựng mối quan hệ | 02 mức độ |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 6**

**Bảng tổng hợp khung năng lực đối với từng vị trí việc làm của Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh Ninh Thuận**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| **STT** | **Tên vị trí việc làm (VTVL)** | **Trình độ cần có để đáp ứng VTVL** | | | | | | **Khung năng lực chung** | | | | | | **Khung năng lực lãnh đạo, quản lý** | | | | **Năng lực đặc thù** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên môn** | **LLCT** | **QL**  **NN** | **Ngoại ngữ** | **Tin học** | **Các chứng chỉ khác** | **Năng lực 1** | **Năng lực 2** | **Năng lực 3** | **Năng lực 4** | **Năng lực 5** | **Năng lực 6** | **Năng lực 1** | **Năng lực 2** | **Năng lực 3** | **Năng lực 4** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* | *(16)* | *(17)* | *(18)* | *(19)* |
| **I** | **Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Trưởng đoàn | Đại học: âm nhạc, thanh nhạc, sân khấu, kinh tế, văn hóa, xã hội, hành chính, luật | TC | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | Mức độ 4 | Mức độ 2 | Mức độ 4 | Mức  độ 2 | Mức  độ 3 | Mức  độ 2 |  |
| 2 | Phó Trưởng đoàn | Đại học: âm nhạc, thanh nhạc, sân khấu, kinh tế, văn hóa, xã hội, hành chính, luật | TC | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 4 | Mức độ 4 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  |
| 3 | Trưởng phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | Trưởng phòng  Hành chính tổng hợp | Đại học: kinh tế, văn hóa, xã hội, hành chính, luật |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| 3.2 | Trưởng phòng  Ca nhạc | Đại học: âm nhạc, thanh nhạc, sân khấu, văn hóa |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| 3.3 | Trưởng phòng  Múa | Đại học: sân khấu, biên đạo, huấn luyện, văn hóa |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| 4 | Phó Trưởng phòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.1 | Phó Trưởng phòng Hành chính tổng hợp | Đại học: kinh tế, hành chính, văn hóa, xã hội, luật |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| 4.2 | Phó Trưởng phòng  Ca nhạc | Đại học: âm nhạc, thanh nhạc, văn hóa |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| 4.3 | Phó Trưởng phòng Múa | Đại học: biên đạo, huấn luyện, văn hóa |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |
| **II** | **Nhóm VTVL nghề nghiệp chuyên môn** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Diễn viên ca | Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành: thanh nhạc, sư phạm nhạc và các chuyên ngành nghệ thuật có liên quan |  |  |  |  |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Diễn viên múa | Có bằng tốt nghiệp trung cấp múa trở lên và các chuyên ngành nghệ thuật có liên quan |  |  |  |  |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhạc công | Có bằng tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành: nghệ thuật biểu diễn nhạc cụ, âm nhạc, sư phạm nhạc, quản lý âm nhạc và các chuyên ngành nghệ thuật có liên quan |  |  |  |  |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kế toán | Đại học chuyên ngành Tài chính, kế toán |  |  | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản | Kế toán viên | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | Chuyên viên | Đại học chuyên ngành marketing, tổ chức sự kiện, văn hoá, ngữ văn báo chí, hành chính, luật |  | CV | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 1 |  |  |  |  |  |
| 3 | Âm thanh viên | Trung cấp, cao đẳng chuyên ngành âm thanh, điện - điện tử trở lên |  |  | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 1 |  |  |  |  |  |
| 4 | Văn thư -Thủ quỹ-Thủ kho | Trung cấp Văn thư, Lưu trữ trở lên |  | Cán sự trở lên | Sử dụng được NN theo yêu cầu của vị trí việc làm | Có kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản |  | Mức độ 2 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 1 |  |  |  |  |  |
| 5 | Lái xe | Bằng lái xe  hạng E |  |  |  |  |  | Mức độ 1 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Hậu đài | 9/12 |  |  |  |  |  | Mức độ 1 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Bảo vệ | 9/12 |  |  |  |  |  | Mức độ 1 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Phục vụ | 9/12 |  |  |  |  |  | Mức độ 1 | Mức độ 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |